

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/DS-PT

Ngày 28-6-2021

*‘V/v tranh chấp đòi lại tài sản và
yêu cầu bồi thường thiệt hại’*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hà

Các Thẩm phán:

Bà Đinh Thị Như Phượng

Ông Võ Đình Sớm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Long - Thư ký Tòa án của
Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Văn Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2021, tại Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử phúc
thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2021/TLPT-DS ngày 28 tháng 4 năm 2021 về
“Tranh chấp đòi lại tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2021/DS-ST ngày 18 tháng 3 năm 2021
của Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 26/2021/QĐ-PT ngày
31 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Thiên Th; địa chỉ: 1286 đường Tr, thành phố P,
tỉnh Gia Lai. Ông Th có mặt

2. *Bị đơn:* Ông Tôn Long H; địa chỉ: Thôn 4, xã Ia Tô, huyện I, tỉnh Gia
Lai. Ông H vắng mặt

3. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn là ông Phạm Thiên Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn là ông Phạm Thiên Th trình bày:

Ngày 12-12-2015, ông được Phòng Lao động và Thương binh và xã hội
huyện I cấp Sổ lĩnh tiền ưu đãi hàng tháng cho người có công. Tháng 01/2019,
ông làm văn bản ủy quyền và giao cho ông Tôn Long H giữ Sổ này để ông H
nhận tiền trợ cấp hàng tháng tại Bưu điện sau đó chuyển lại cho ông. Từ tháng
1-2019 đến tháng 5-2019, ông H nhận tiền và chuyển giao cho ông theo đúng
thỏa thuận, tuy nhiên tháng 6-2019 ông H nhận 1.570.000 đồng là tiền trợ cấp
hàng tháng và 1.110.000 đồng là tiền an dưỡng năm 2019 (2 năm nhận một lần)
từ Bưu điện nhưng không chuyển lại cho ông. Do vậy tháng 7-2019, ông huỷ
hợp đồng uỷ quyền và yêu cầu ông H giao lại Sổ lĩnh tiền ưu đãi hàng tháng và

toàn bộ số tiền mà ông H đã nhận nhưng ông H không thực hiện. Hậu quả là từ tháng 10-2019 đến nay, ông không được nhận tiền trợ cấp hàng tháng và các đãi ngộ dành cho đối tượng thương binh. Ông đã làm đơn gửi Ủy ban nhân dân xã Ia Tô, Phòng Lao động - Thương binh và xã hội huyện I và Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Gia Lai để giải quyết nhưng không có kết quả.

Nay, ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H phải thực hiện các nghĩa vụ sau:

- Trả lại cho ông S số tiền ưu đãi hàng tháng. Tiền trợ cấp tháng 6/2019 là 1.570.000 đồng + tiền lãi 423.900 đồng; tiền An dưỡng năm 2019 là 1.110.000 đồng + tiền lãi 299.700 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi giải quyết xong vụ án.

- Bồi thường thiệt hại từ việc chiếm giữ trái pháp luật Số lĩnh tiền ưu đãi hàng tháng trợ cấp gồm:

- + Tiền lãi của số tiền 1.690.000 đồng của từng tháng mà ông được nhận là 2.661.750 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi giải quyết xong.

- + Tiền chi phí đi lại để khiếu nại, tố cáo và khởi kiện gồm: Đi đến Ủy ban nhân dân xã Ia Tô 03 lần là 1.500.000 đồng, đi đến Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội huyện I 04 lần là 1.600.000 đồng, đi đến Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Gia Lai 02 lần là 500.000 đồng, tổng cộng là 3.600.000 đồng.

Tổng cộng các khoản tạm tính là 9.665.350 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Phạm Thiên Th trình bày bổ sung: Ngày 02/3/2021 ông đã được Phòng lao động – Thương binh xã hội huyện I cấp lại “Số lĩnh tiền ưu đãi hàng tháng”, ông cũng đã nhận đầy đủ số tiền trợ cấp, chế độ chính sách khác từ tháng 7/2019 cho đến nay, tuy vậy ông vẫn yêu cầu ông H trả lại sổ cũ để giữ làm kỷ niệm, còn các yêu cầu khác ông Th vẫn giữ nguyên như trong đơn khởi kiện.

2. Bị đơn là ông Tôn Long H trình bày:

Trước đây ông với ông Th là chỗ thân quen. Ông là Tổ trưởng Tổ vay vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội, Chi nhánh huyện I nên có trách nhiệm bảo lãnh, quản lý và đôn đốc khoản vay 40.000.000 đồng theo diện hộ nghèo và 12.000.000 đồng theo diện Nước sạch vệ sinh môi trường mà ông Th vay của Ngân hàng từ năm 2017. Từ tháng 1-2019, ông Th uỷ quyền cho ông nhận tiền trợ cấp hàng tháng, đồng thời ông Th giao cho ông một Số lĩnh tiền ưu đãi hàng tháng để ông nhận tiền và chuyển giúp cho ông Th. Từ tháng 1-2019 đến tháng 5-2019 ông nhận tiền trợ cấp từ Bưu điện xã Ia Tô sau đó chuyển cho ông Th, ông Th cũng gửi tiền lãi để ông nộp Ngân hàng theo đúng thoả thuận. Tuy nhiên từ tháng 6-2019 ông Th bỏ đi khỏi địa phương không trả nợ cho Ngân hàng nên ông có nhận tiền trợ cấp tháng 6-2019 là 1.577.000 đồng và tiền An dưỡng năm 2019 là 1.110.000 đồng, tổng cộng là 2.687.000 đồng nhưng không giao cho ông Th theo thoả thuận vì ông Th còn nợ tiền vay của Ngân hàng Chính sách xã hội huyện chưa trả. Số tiền trên ông đã gửi tiết kiệm 1.670.000 đồng, còn lại ông tạm giữ mục đích là để ông Th trả nợ cho Ngân hàng. Từ tháng 7-2019 cho đến nay do ông Th đã huỷ hợp đồng uỷ quyền nên ông không nhận tiền nữa.

Ông thừa nhận việc giữ Sổ lĩnh tiền ưu đãi hàng tháng cũng như tiền trợ cấp tháng 6-2019 và tiền an dưỡng năm 2019 của ông Th là không đúng, nhưng do ông có trách nhiệm đơn đốc việc trả nợ của ông Th đối với Ngân hàng nên khi nào ông Th thực hiện xong nghĩa vụ đối với Ngân hàng thì ông sẽ trả sổ và tiền cho ông Th.

Về các yêu cầu bồi thường thiệt hại, tiền lãi và chi phí đi kiện, khiếu nại, tố cáo của ông Th, ông không chấp nhận.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2021/DS-ST ngày 18 tháng 3 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Áp dụng Điều 166 Bộ luật dân sự; Điều 12 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thiên Th.

Buộc ông Tôn Long H phải trả “Sổ lĩnh tiền ưu đãi hàng tháng” do Phòng Lao động và Thương binh xã hội huyện I cấp ngày 22-12-2015 ghi tên “Phạm Thiên Th”, tiền trợ cấp tháng 6-2019 là 1.577.000 đồng và tiền an dưỡng năm 2019 là 1.110.000 đồng cho ông Phạm Thiên Th.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Thiên Th buộc ông Tôn Long H phải bồi thường 6.985.350 đồng tiền lãi, chi phí khởi kiện, khiếu nại, tố cáo.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu khoản lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền; quyết định về án phí dân sự sơ thẩm; thông báo quyền yêu cầu, tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án và thời hiệu thi hành án; tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, ông Phạm Thiên Th kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét buộc ông Tôn Long H phải bồi thường tiền lãi do giữ sổ là 3.385.350 đồng, bồi thường 3.600.000 đồng chi phí tố cáo, khiếu kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên kháng cáo.
- Bị đơn vắng mặt và không ủy quyền cho ai khác tham gia tố tụng.
- Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn là ông Tôn Long H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, nên căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Sự việc từ tháng 1-2019, ông Th làm văn bản ủy quyền cho ông H nhận tiền trợ cấp hàng tháng đồng thời giao “Sổ lĩnh tiền ưu đãi hàng tháng” do Phòng Lao động và Thương binh xã hội huyện I cấp ngày 22-12-2015 ghi tên “Phạm Thiên Th” cho ông H quản lý, theo dõi, ký nhận, sau khi nhận tiền thì

ông H phải chuyển lại tiền đó cho ông Th và sự việc ông H nhận 2.687.000 đồng tiền chế độ tháng 6-2019 của ông Th (*gồm 1.577.000 đồng tiền trợ cấp hàng tháng và 1.110.000 đồng tiền an dưỡng năm 2019*), nhưng không giao lại cho ông Th là những sự kiện có thật, được các bên thừa nhận, nên theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Việc bị đơn cho rằng do ông Th vay vốn nhưng không trả tiền vay cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội huyện I, nên bị đơn giữ lại Sổ và khoản tiền trên để ông Th trả nợ cho Ngân hàng, là không có căn cứ, không phù hợp với thỏa thuận của các bên, nên nguyên đơn khởi kiện để đòi lại tài sản là có cơ sở, phù hợp với quy định tại điều 163, 164, 166 của Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, việc ông Th yêu cầu ông H phải trả lãi của số tiền trên như lãi của tiền vay là không đúng, bởi lẽ, bị đơn không vay số tiền trên của nguyên đơn.

Tuy nhiên, tham gia tố tụng bị đơn thừa nhận đã gửi tiết kiệm 1.670.000 đồng trong 2.687.000 đồng đã nêu, 1.670.000 đồng này cũng là khoản tiền mà ông Th được thụ hưởng, nên khoản lãi phát sinh từ việc bị đơn gửi tiết kiệm 1.670.000 đồng cũng thuộc sở hữu ông Th, việc Tòa án cấp sơ thẩm không buộc bị đơn trả cho nguyên đơn phần lãi này là không đúng.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định bị đơn gửi tiết kiệm 1.670.000 đồng là gửi không kỳ hạn.

Theo Quyết định số 2173/QĐ-NHNN ngày 28-10-2014 của Ngân hàng Nhà nước (có hiệu lực từ ngày 29 tháng 10 năm 2014 đến ngày 17-11-2019), thì mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam áp dụng với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng là 1%/năm.

Theo Quyết định số 2145/QĐ-NHNN ngày 18-11-2019 của Ngân hàng Nhà nước (có hiệu lực từ ngày 18 tháng 11 năm 2019 đến ngày 16-3-2020), thì mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam áp dụng với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng là 0,8 %/năm.

Theo Quyết định số 419/QĐ-NHNN ngày 16-3-2020 của Ngân hàng Nhà nước (có hiệu lực từ ngày 17 tháng 3 năm 2020 đến ngày 12-5-2020), thì mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam áp dụng với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng là 0,5 %/năm.

Theo Quyết định số 919/QĐ-NHNN ngày 12-5-2020 của Ngân hàng Nhà nước (có hiệu lực từ ngày 13 tháng 5 năm 2020 đến ngày 30-9-2020), thì mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam áp dụng với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng là 0,2 %/năm.

Theo Quyết định số 1729/QĐ-NHNN ngày 30-9-2020 của Ngân hàng Nhà nước (có hiệu lực từ ngày 1 tháng 10 năm 2020), thì mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam áp dụng với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng là 0,2 %/năm.

Đối chiếu với các quy định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lãi của 1.670.000 đồng mà bị đơn gửi tiết kiệm như sau:

- Lãi từ ngày 1-7-2019 đến ngày 18-11-2019 là 1.670.000 đồng x 1%/365 ngày x 140 ngày = 6.405 đồng.

- Lãi từ ngày 19-11-2019 đến ngày 16-3-2020 là 1.670.000 đồng x 0.8%/365 ngày x 118 ngày = 4.319 đồng.

- Lãi từ ngày 17-3-2020 đến ngày 12-5-2020 là 1.670.000 đồng x 0.5%/365 ngày x 56 ngày = 1.281 đồng.

- Lãi từ ngày 13-5-2020 đến ngày 30-9-2020 là 1.670.000 đồng x 0.2%/365 ngày x 140 ngày = 1.281 đồng.

- Lãi từ ngày 1-10-2020 đến ngày 18-3-2021 (ngày xét xử sơ thẩm) là 1.670.000 đồng x 0.2%/365 ngày x 168 ngày = 1.537 đồng.

Tổng cộng lãi là 14.823 đồng.

Hội đồng xét xử phúc thẩm buộc bị đơn phải trả nguyên đơn 14.823 đồng.

[2.2] Đối với yêu cầu về bồi thường 2.661.750 đồng tiền lãi của các khoản tiền chế độ của nguyên đơn mà bị đơn chiếm giữ.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Kết quả xác minh của Tòa án cấp sơ thẩm tại Biên bản xác minh lập ngày 17-12-2020 (*bút lục 105*) thể hiện, dù “Sổ lĩnh tiền ưu đãi hàng tháng” của ông Th do ông H giữ, nhưng ông Th vẫn nhận tiền trợ cấp từ tháng 7/2019 đến tháng 9/2019, việc tháng 10/2019, ông Th không nhận tiền trợ cấp là do ông Th không đến bưu điện để nhận chứ không phải là do bưu điện chi trả vì không có Sổ lĩnh tiền ưu đãi hàng tháng. Như vậy, hành vi giữ “Sổ lĩnh tiền ưu đãi hàng tháng” của ông H không gây thiệt hại cho ông Th, nên yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải bồi thường 2.661.750 đồng tiền lãi của các khoản tiền chế độ mà nguyên đơn được hưởng, là không có cơ sở.

[2.3] Đối với yêu cầu về bồi thường chi phí đi lại làm đơn khiếu nại, khởi kiện do bị đơn giữ “Sổ lĩnh tiền ưu đãi hàng tháng”, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, ông Th khởi kiện nhưng không xuất trình tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện đó là có căn cứ và đúng pháp luật, nên việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là có cơ sở.

[3] Các phân tích và đánh giá tại [2.2] và [2.3] cho thấy, kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu Tòa án xem xét buộc ông Tôn Long H phải bồi thường 3.385.350 đồng tiền lãi do giữ sổ và bồi thường 3.600.000 đồng chi phí tố cáo, khiếu kiện, là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận.

[4] Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm, buộc bị đơn phải trả thêm cho nguyên đơn 14.823 đồng.

[5] Do Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm bị kháng cáo, nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Phạm Thiên Th; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2021/DS-ST ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh Gia Lai đã xét xử vụ án về *Tranh chấp đòi lại tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại* giữa nguyên đơn là ông Phạm Thiên Th với bị đơn là ông Tôn Long H;

Áp dụng Điều 163, 164, 166 của Bộ luật dân sự;

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thiên Th. Buộc ông Tôn Long H phải trả cho ông Phạm Thiên Th “Số lĩnh tiền ưu đãi hàng tháng” do Phòng Lao động và Thương binh xã hội huyện I cấp ngày 22/12/2015 ghi tên “Phạm Thiên Th”; 1.577.000 đồng tiền trợ cấp tháng 6/2019; 1.110.000 đồng tiền an dưỡng năm 2019; lãi của 1.670.000 đồng từ ngày 1-7-2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18-3-2021) là 14.823 đồng; tổng cộng là 2.692.823 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Phạm Thiên Th cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, ông Tôn Long H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của ông Phạm Thiên Th về việc buộc ông Tôn Long H phải bồi thường 6.985.350 đồng tiền lãi, chi phí khởi kiện, khiếu nại, tố cáo.

- Buộc ông Tôn Long H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

- Ông Phạm Thiên Th được miễn nộp án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Phạm Thiên Th không phải chịu án phí phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND huyện I;
- Chi cục THA dân sự huyện I;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa DS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Văn Hà